TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH THUẬN** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27-11-2018
"V/v ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm
2. Ông Danh Thi

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đào Chúc Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2018 về việc *"Ly hôn, nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Ngân T, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp B, thị trấn H, huyện T, tỉnh Kiên Giang; có mặt

- *Bị đơn:* Anh Tô Mẹt Xe Đ, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp H, xã B, huyện T, tỉnh Kiên Giang; vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/7/2018, các lời khai tại Tòa án và tại phiên tòa chị Lê Thị Ngân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ được gia đình 02 bên tổ chức lễ cưới năm 2014, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn H. Anh chị chung sống đến tháng 3/2015 thì phát sinh mâu thuẫn và ly thân cho đến nay. Nguyên nhân theo chị T trình bày thì do anh Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh không quan tâm chăm sóc chị và con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể hàn gắn được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có 01 người con chung tên Tô Ngọc Bảo V, sinh ngày 22/02/2014 hiện đang sống với chị, chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận, anh chị không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Tô Mẹt Xe Đ, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ. Do anh Đ không viết bản tự khai, cố tình lẫn tránh, không hợp tác nên không tiến hành ghi lời khai của anh Đ để biết quan điểm của anh đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản và tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Về thủ tục tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị T được ly hôn với anh Đ. Về con chung: Giao cháu Tô Ngọc Bảo V, sinh ngày 22/02/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Viện kiểm sát không đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Đ là bị đơn đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt. Do đó, HĐXX áp dụng Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Đ.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Chị T xin ly hôn với anh Đ và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung nên quan hệ tranh chấp được xác định là "Ly hôn và nuôi con".

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh Đ kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị T và anh Đ đã có thời gian chung sống với nhau. Đến tháng 3/2015 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ly thân, chị T cho rằng anh Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, anh không quan tâm chăm sóc chị và con. Trong thời gian ly thân mỗi người sống mỗi nơi, không ai tới lui thăm nhau. Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh Đ. Đối với anh Đ, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhằm mục đích hòa giải để hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng anh Đ đều vắng mặt không lý do.

Điều này đã thể hiện anh Đ cố tình lẫn tránh, không hợp tác, không có thiện chí muốn đoàn tụ gia đình với chị T. Qua lời khai của bà Nguyễn Thị N (mẹ ruột anh Đ) thể hiện, cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh Đ có xảy ra mâu thuẫn từ việc chị T cho rằng anh Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, vợ chồng cự cãi và ly thân từ tháng 3/2015 cho đến nay. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của chị T cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[4] *Về con chung:* Chị T và anh Đ có 01 người con chung tên Tô Ngọc Bảo V, sinh ngày 22/02/2014. Hiện cháu V đang sống với chị T, được chị T chăm sóc nuôi dưỡng ổn định. Đối với anh Đ, mặc dù anh đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Đ không đến tham gia giải quyết vụ án, không có bản khai để trình bày và nguyện vọng của mình về việc giải quyết con chung nên không có cơ sở để xem xét giao con chung cho anh Đ nuôi dưỡng. Bản thân chị T là cán bộ nhà nước với mức thu nhập ổn định là 4.276.150đ/tháng nên đảm bảo các điều kiện để nuôi dưỡng cháu V. Vì vậy, việc giao cháu V cho chi T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Do đó, áp dụng Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình HĐXX thống nhất giao cháu Tô Ngọc Bảo V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền tới lui chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Tài sản chung chị T và anh Đ tự thỏa thuận, chị T khai không nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] *Về án phí sơ thẩm:* Áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị T là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002071 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị Lê Thị Ngân T được ly hôn với anh Tô Mẹt Xe Đ.

2. *Về con chung:* Giao cháu Tô Ngọc Bảo V, sinh ngày 22/02/2014 cho chị Lê Thị Ngân T trực tiếp nuôi dưỡng (cháu V hiện đang sống với chị T), anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ có quyền tới lui, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. *Về án phí sơ thẩm:* Chị Lê Thị Ngân T là Nguyên đơn phải chịu án phí là 300.000đ, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002071 ngày 10/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt (anh Tô Mẹt Xe Đ) vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn H;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Vũ